

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SPS-BNNVN

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2024

V/v đề nghị thông báo và góp ý
dự thảo quy định về biện pháp SPS
của Thành viên WTO tháng 9/2024

Kính gửi:

- Các Cục: Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi; Thú y; Thủy sản; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương);
- Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế);
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 21/8 - 20/9/2024 của Thành viên Tổ chức thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 92, trong đó:

- Thông báo dự thảo lấy ý kiến: 78
- Thông báo có hiệu lực: 14

2. Một số thông báo cần lưu ý:

- Thị trường Hoa Kỳ: (1) Quy định thiết lập các mức giới hạn mới cho hoạt chất salflufenacil; (2) Tiếp nhận đơn kiến nghị liên quan đến tồn dư thuốc trừ sâu trên một số mặt hàng; (3) Dung sai thuốc trừ sâu Ethaboxam; (4) Quy định thiết lập mức dư lượng cho kasugamycin trong trà đã sấy khô.

- Thị trường EU: (1) Dự thảo về lệnh cấm sử dụng một số chế phẩm thực vật có chứa dẫn xuất hydroxyanthracene trong thực phẩm; (2) loại bỏ 4-Methyl-2-phenylpent-2-enal (FL số 05.100) khỏi danh sách chất tạo hương vị cho phép sử dụng; (3) Gia hạn giấy phép chế phẩm 25-hydroxycholecalciferol được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CBS 146008.

- Thị trường Nhật Bản: (1) Loại bỏ 32 chất phụ gia thực phẩm không còn được phân phối tại Nhật Bản; (2) Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm,...; (3) Sửa đổi đối với Lệnh thực thi Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi; (4) Các biện pháp khẩn cấp để giảm thiểu nguy cơ xâm nhập *Radopholus similis*.

- Thị trường Đài Loan Trung Quốc: (1) Dự thảo sửa đổi Quy định về hệ thống kiểm tra thực phẩm nhập khẩu; (2) Dự thảo về hạn chế sử dụng và yêu cầu nhãn mác đối với γ Aminobutyric Acid; (3) Phân loại 07 mã CCC làm thực phẩm phải đăng ký kiểm tra; (4) Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các hoạt chất được phép sử dụng để làm sạch thực phẩm.

- Thị trường Canada: (1) Hoàn thành đánh giá về tính an toàn và hiệu quả polyglycerol esters để sử dụng làm chất nhũ hóa trong các loại thực phẩm; (2) hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với lipase từ *Rhizopus arrhizus*; (3) hoàn tất đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với alpha-amylase maltogenic từ *Saccharomyces cerevisiae* LALL-M+; (4) Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Rimsulfuron; (5) Đề xuất giới hạn tối đa đối với Clomazone; (6) Loại bỏ dầu thực vật brom hóa trong Danh mục chất phụ gia được phép sử dụng; (7) Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Metsulfuron-methyl.

- Thị trường Bra-xin: (1) Dự thảo nghị quyết cập nhật hoạt chất vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ; (2) Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cây nhân giống trong ống vitro của giống *Aglaonema spp*; (3) Hướng dẫn quy phạm thiết lập danh sách các loài thực vật được phép để sản xuất chất béo, dầu thực vật, axit béo; (4) Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.162, Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống *Pelargonium spp*.

- Thị trường Úc: (1) Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - Niu Di-lân; (2) Đề xuất hài hòa MRL 2023; (3) Thực hiện thu phí cho các hoạt động quản lý an ninh sinh học và thực phẩm nhập khẩu; (4) Dự thảo đánh giá chính sách đối với nhập khẩu cá cảnh biển sống làm cá cảnh; (5) .

- Thị trường Thái Lan: (1) Bản dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng Được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 về mít, thạch và mít cam.

- Thị trường Singapore: Điều kiện thú y nhập khẩu gia cầm và chim nuôi, gà con một ngày tuổi, trứng ấp.

(Thông tin tóm tắt và nội dung chi tiết các thông báo tại phụ lục kèm theo)

Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm xuất khẩu liên quan đến các mặt hàng và thị trường nêu trên để có điều chỉnh phù hợp.

Thông tin góp ý đối với các thông báo dự thảo của Thành viên WTO (nếu có) gửi về Văn phòng SPS Việt Nam trước (05 ngày) thời hạn nhận góp ý của thông báo, địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại: 024 37344764; email: spsvietnam@mard.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TTr. Trần Thanh Nam (để b/cáo);
- TTr. Hoàng Trung (để b/cáo);
- TTr. Phùng Đức Tiến (để b/cáo);
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu VT _(THL).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Xuân Nam

Phụ lục:
THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
từ ngày 21/8 - 20/9/2024

(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNVN, ngày tháng 10 năm 2024)

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1.	G/SPS/N/AUS/603	ATTP, TY	Úc	20/9/2024	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - Niu Di-lân (ngày 17/9/2024)	1. Đề xuất điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp và thú y trong các mặt hàng khác nhau: - Chloridazon trong củ dền đỏ: Mức cũ: *0.05 mg/kg, Mức mới: 0,5 mg/kg - Fipronil trong ngô: T*0,01 mg/kg - Florylpicoxamid trong chuối: 0,5 mg/kg - Isocycloseram trong các mặt hàng: T4-T8 mg/kg (T: đề xuất tạm thời) - Fluralaner trong các mặt hàng động vật: 0,25 - 7 mg/kg 2. Quy định sử dụng an toàn, hiệu quả một số loại hóa chất nông nghiệp và thú y
2.	G/SPS/N/UGA/371	BVTV	Uganda	19/9/2024	DUS DARS 1291-2, Côn trùng ăn được - Phần 2: Sản phẩm có chứa côn trùng ăn được - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Bản dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm có chứa côn trùng ăn được dùng cho con người.
3.	G/SPS/N/KEN/305	BVTV	Kenya	19/9/2024	DARS 54: 2024 Bộ quy tắc thực hành vệ sinh đối với các	Dự thảo quy định thực hành vệ sinh của Kenya áp dụng cho các sản phẩm trái cây và rau quả được chế biến bằng nhiệt, trước hoặc sau khi được đưa vào các bao bì kín.

					sản phẩm trái cây và rau quả đóng hộp	
4.	G/SPS/N/GBR/70	ATTP, BVTV	Vương quốc Anh	19/9/2024	Mức dư lượng tối đa đối với flonicamid theo Đạo luật của Vương quốc Anh	<p>Cơ quan An toàn Y tế của Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới cho đậu không có vỏ. Sau khi đánh giá, một MRL mới đã được đưa ra để phù hợp với việc cấp phép mới cho sản phẩm bảo vệ thực vật tại Vương quốc Anh.</p> <p>Theo đó, mức dư lượng tối đa đối với flonicamid trên một số nhóm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh tăng: <ul style="list-style-type: none"> -Đậu (không vỏ): được điều chỉnh tăng từ 0,03* mg/kg lên 0,7 mg/kg • Các nhóm hàng hóa khác được giữ nguyên: <ul style="list-style-type: none"> -Nhóm quả có múi: 0,15 mg/kg -Nhóm các loại hạt (hạnh nhân, óc chó, đậu phộng, ...): 0,06 mg/kg -Nhóm các loại quả thuộc họ táo: 0,3 mg/kg -Nhóm quả có vỏ: 0,03 mg/kg -Mật ong: 0,05 mg/kg
5.	G/SPS/N/GBR/69	ATTP, BVTV	Vương quốc Anh	19/9/2024	Mức dư lượng tối đa đối với fludioxonil theo Đạo luật của Vương quốc Anh	<p>Cơ quan An toàn Y tế của Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới đối với hoạt chất fludioxonil cho xoài, đu đủ và các loại hạt cây. Cụ thể như sau:</p> <p>Mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất fludioxonil được điều chỉnh tăng từ 3,5 đến 600 lần tùy từng nhóm sản phẩm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm các loại hạt (hạnh nhân, hạt điều, hạt dẻ, hạt dẻ cười, hạt macca, hạt óc chó, ...): điều chỉnh tăng MRL từ 0,01 mg/kg lên 0,3 mg/kg; - Quả xoài: điều chỉnh tăng MRL từ 2,0 mg/kg lên 7,0 mg/kg;

						- Quả đu đủ: điều chỉnh tăng MRL từ 0,01 mg/kg lên 6,0 mg/kg;																					
6.	G/SPS/N/GBR/68	ATTP, BVTV	Vương quốc Anh	19/9/2024	Mức dư lượng tối đa đối với isotianil theo Đạo luật của Vương quốc Anh	<p>Isotianil vốn không phải là hoạt chất được phép sử dụng ở Vương quốc Anh. Cơ quan An toàn Y tế của Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới cho trái cây họ cam quýt và chuối. Cụ thể:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức cũ (mg/kg)</th> <th>Mức mới (mg/kg)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bưởi chùm</td> <td>0,01</td> <td>0,4</td> </tr> <tr> <td>Cam</td> <td>0,01</td> <td>0,4</td> </tr> <tr> <td>Chanh vàng</td> <td>0,01</td> <td>0,4</td> </tr> <tr> <td>Chanh</td> <td>0,01</td> <td>0,4</td> </tr> <tr> <td>Quýt</td> <td>0,01</td> <td>0,4</td> </tr> <tr> <td>Chuối</td> <td>0,01</td> <td>0,02</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trên một số sản phẩm và nhóm sản phẩm khác vẫn được giữ nguyên mức 0,01 mg/kg</p>	Sản phẩm	Mức cũ (mg/kg)	Mức mới (mg/kg)	Bưởi chùm	0,01	0,4	Cam	0,01	0,4	Chanh vàng	0,01	0,4	Chanh	0,01	0,4	Quýt	0,01	0,4	Chuối	0,01	0,02
Sản phẩm	Mức cũ (mg/kg)	Mức mới (mg/kg)																									
Bưởi chùm	0,01	0,4																									
Cam	0,01	0,4																									
Chanh vàng	0,01	0,4																									
Chanh	0,01	0,4																									
Quýt	0,01	0,4																									
Chuối	0,01	0,02																									
7.	G/SPS/N/KEN/304	BVTV	Kenya	17/9/2024	DARS 833: 2024 Chuối chiên— Đặc điểm kỹ thuật.	Tiêu chuẩn của Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với chuối chiên làm từ chuối <i>Musa</i> spp dùng làm thực phẩm cho con người.																					
8.	G/SPS/N/KEN/303	BCT	Kenya	17/9/2024	DARS 472: 2024 Nước ép trái cây, nước ép đặc, trái cây xay nhuyễn và bã trái cây — Đặc điểm kỹ thuật	Tiêu chuẩn của Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước ép trái cây, nước ép đặc, trái cây xay nhuyễn và bã trái cây dùng để tiêu thụ trực tiếp cho con người hoặc để chế biến thêm.																					
9.	G/SPS/N/KEN/302	BCT	Kenya	17/9/2024	DARS 179:2024 Mút, thạch và mút cam — Đặc điểm kỹ thuật	Tiêu chuẩn của Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mút, thạch và mút cam dùng để tiêu thụ trực tiếp cho con người.																					
10.	G/SPS/N/KEN/301	BVTV	Kenya	17/9/2024	DARS 177: 2024 Nước sốt cà chua chế biến — Đặc điểm kỹ thuật.	Tiêu chuẩn của Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các loại nước sốt cà chua chế biến (bột và xay nhuyễn)																					

11.	G/SPS/N/KEN/300	BVTV	Kenya	17/9/2024	DARS 55:2024 Sản xuất, xử lý và chế biến trái cây và rau quả sấy khô — Bộ quy tắc thực hành	Dự thảo quy tắc thực hành của Kenya áp dụng cho các loại trái cây và rau quả được sấy khô bằng phương pháp tự nhiên hoặc nhân tạo hoặc kết hợp cả hai.
12.	G/SPS/N/KEN/299	BVTV	Kenya	17/9/2024	DARS 171: 2024 Cà chua cô đặc chế biến — Đặc điểm kỹ thuật	Dự thảo Tiêu chuẩn của Kenya nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm cô đặc từ cà chua chế biến (dạng sệt và dạng nhuyễn).
13.	G/SPS/N/AUS/602	TY, BVTV, CLCB, ATTP	Úc	17/9/2024	Đề xuất M1022 – Đề xuất hài hòa MRL 2023	<p>Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu Di-lân nhằm điều chỉnh giới hạn dư lượng tối đa (MRL): (a) Tiêu chuẩn MRL của Cơ quan Thuốc trừ sâu và Thuốc thú y Úc; (b) Ủy ban Codex Alimentarius; và (c) các tiêu chuẩn của đối tác thương mại khác liên quan đến dư lượng hóa chất nông nghiệp và thú y (agvet) trong thực phẩm.</p> <p>Đề xuất này cũng bao gồm việc sửa lỗi đánh máy và định dạng cần thiết để cải thiện tính toàn vẹn của Phụ lục 20.</p> <p>Đề xuất tăng hoặc thiết lập MRL mới cho các mặt hàng thực vật cụ thể: acibenzolar-S-methyl, aclonifen, afidopyropen, azoxystrobin, benzovindiflupyr, bifenthrin, broflanilide, buprofezin, chlorantraniliprole, chlormequat, cyflufenamid, cyflumetofen, cyhalofop-butyl, cyhalothrin, dichlorprop-P, difenoconazole, diflubenzuron, dimethoate, emamectin, etoxazole, famoxadone, fenazaquin, fencicoxamid, flazasulfuron, florasulam, fluazaindolizine, fludioxonil, flupyradifurone, flutianil, flutolanil, flutriafol, fluxapyroxad, folpet, fosetyl-aluminium, glyphosate, indaziflam, indoxacarb, inpyrfluxam, mandipropamid, mefentrifluconazole, mesosulfuron methyl, metaflumizone, metalaxyl, metamitron, metconazole,</p>

					<p>milbemectin, norflurazon, omethoate, oxathiapiprolin, pinoxaden, prohexadione-calcium, prosulfocarb, pydiflumetofen, pyraflufen-ethyl, pyridate, pyrimethanil, rimsulfuron, simazine, spiromesifen, sulfoxaflor, teflubenzuron, tetraniliprole, triflumuron, trinexapac-ethyl, valifenalate and zoxamide.</p> <p>Đề xuất tăng hoặc áp dụng MRL mới cho các mặt hàng động vật cụ thể: afidopyropen, broflanilide, chlormequat, dimethoate, emamectin, fenazaquin, flazasulfuron, fluazaindolizine, fludioxonil, flutriafol, indoxacarb, inpyrfluxam, mefentrifluconazole, omethoate, spiromesifen, tetraniliprole, triflumuron.</p> <p>Đề xuất xóa hoặc giảm MRL cho các mặt hàng thực vật cụ thể: azoxystrobin, boscalid, carbofuran, chlorfenapyr, diclofopmethyl, diflubenzuron, dimethoate, famoxadone, fenazaquin, fludioxonil, flumioxazin, fluxapyroxad, folpet, glyphosate, indoxacarb, mandipropamid, mefentrifluconazole, methidathion, piperonyl butoxide, pydiflumetofen, pyraclostrobin, pyrethrins, saflufenacil, tetraniliprole, triflumuron</p> <p>Đề xuất xóa hoặc giảm MRL cho các mặt hàng động vật cụ thể: fludioxonil and trichlorfon.</p> <p>Các hóa chất mới được đề xuất đưa vào danh mục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - Niu Di-lân là: 1,4-dimethylnaphthalene, flufenoxuron và fluindapyr.</p> <p>Sửa đổi cần thiết để: (a) thêm hoặc xóa các ngoại lệ đối với một số mặt hàng; (b) sửa lỗi đánh máy; (c) chuyển đổi MRL tạm thời thành MRL chính thức; (d) sửa đổi hoặc cập nhật tên hàng hóa; nhưng không có thay đổi nào đối với MRL: amitrole, bixafen, boscalid, broflanilide, buprofezin, butoxydim, carbaryl, carbendazim, chlormequat, cyantraniliprole, 2,4-D, deltamethrin, dichlorvos, diclofop-methyl, difenoconazole,</p>
--	--	--	--	--	--

						<p>dimethoate, diuron, dodine, EPTC, etoxazole, fenvalerate, fipronil, fluazifop-p-butyl, fludioxonil, fluensulfone, flumioxazin, fluopyram, flupyradifurone, flutriafol, fluxapyroxad, glufosinate và glufosinate-ammonium, glyphosate, mandipropamid, mefentrifluconazole, metaldehyde, metazachlor, metconazole, omethoate, oxathiapiprolin, pendimethalin, phosphine, piperonyl butoxide, propaquizafop, pydiflumetofen, pyraclostrobin, pyrethrins, pyrimethanil, saflufenacil, simazine, triallate, trichlorfon và trifluralin.</p> <p>Cập nhật dư lượng: cyhalofop-butyl.</p> <p>Sửa đổi tất cả các loại thực phẩm khác trừ thực phẩm có nguồn gốc từ động vật: broflanilide, chlormequat, flutriafol và inpyrfluxam</p>
14.	G/SPS/N/TUR/101 /Add.2	CLCB, CT	Thổ Nhĩ Kỳ	16/9/2024	Thông báo sửa đổi Bộ luật Thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về đường	<p>Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về đường đã được thông báo trong G/SPS/N/TUR/101 và thông báo có hiệu lực trong G/SPS/N/TUR/101/Add.1.</p> <p>Thông báo bổ sung này sửa đổi liên quan đến ghi nhãn nguồn gốc của đường.</p>
15.	G/SPS/N/BRA/2331	ATTP, BVTV	Bra-xin	16/9/2024	Dự thảo Nghị quyết 1279, ngày 6/9/2024.	<p>Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất Q06 - Chitosan vào Danh mục chuyên khảo các thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo của Bra-xin</p>
16.	G/SPS/N/USA/3477	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	13/9/2024	Quy định cuối cùng về mức tồn dư thuốc trừ sâu: Saflufenacil	<p>Quy định này thiết lập các mức giới hạn mới cho hoạt chất saflufenacil đối với các sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây bạc hà: lá khô, lá tươi: 0,03 ppm - Trái cây, họ chanh, nhóm 10-10: 0,03 ppm - Quả dạng táo, nhóm 11-10: 0,03 ppm - Nhóm quả hạch, nhóm 12-12: 0,03 ppm - Hạt, nhóm 14-12: 0,03 ppm

						<p>Khi đưa ra mức MRL trên, Cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) đã hài hòa các mức MRL của Hoa Kỳ với các tiêu chuẩn quốc tế khác cho phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và các hoạt động nông nghiệp của Hoa Kỳ. EPA cũng tham khảo tiêu chuẩn CODEX. CODEX chưa thiết lập MRL cho hoạt chất này trên bạc hà, một số trái cây có mức MRL là 0,01 ppm. Dựa trên dữ liệu dư lượng có sẵn, việc sử dụng của người nông dân Hoa Kỳ đều theo hướng dẫn trên nhãn sẽ dẫn đến vượt quá mức cho phép của CODEX. Vì vậy, nếu tuân theo CODEX có thể khiến người trồng trọt Hoa Kỳ có nguy cơ bị vi phạm mức MRL.</p>
17.	G/SPS/N/TPKM/633	TY, CT, CLCB	Đài Loan	11/9/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định về hệ thống kiểm tra thực phẩm nhập khẩu	<p>Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về kiểm tra hệ thống thực phẩm nhập khẩu đối với 6 nhóm thực phẩm, cụ thể như sau:</p> <p>1) Căn cứ Đoạn 1, Điều 35 của Luật An toàn vệ sinh thực phẩm. Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trước khi xuất khẩu sản phẩm thực phẩm có mức độ rủi ro cao phải nộp Đơn đề nghị và kèm theo tài liệu, thông tin có liên quan tới Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi thông qua hệ thống thông tin.</p> <p>2) Nhóm sản phẩm liên quan phải kiểm tra hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm thịt; - Sản phẩm thủy sản; - Sản phẩm sữa; - Sản phẩm trứng; - Mỡ động vật; - Các sản phẩm từ họ hươu
18.	G/SPS/N/CAN/1571	ATTP	Canada	11/9/2024	Sửa đổi Danh mục các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc cho phép sử dụng polyglycerol esters để làm	<p>Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá về tính an toàn và hiệu quả trước khi đưa ra thị trường của polyglycerol esters để sử dụng làm chất nhũ hóa trong các loại thực phẩm.</p>

					chất nhũ hóa trong các loại thực phẩm.	<p>Kết quả đánh giá hỗ trợ tính an toàn và hiệu quả este polyglycerol của axit béo dầu thầu dầu este hóa để sử dụng làm chất nhũ hóa cho mục đích sử dụng được yêu cầu.</p> <p>Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng polyglycerol esters được tham chiếu ở trên bằng cách sửa đổi Danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc được phép sử dụng, có hiệu lực từ 10/9/2024.</p>
19.	G/SPS/N/CAN/1570	ATTP	Canada	11/9/2024	Sửa đổi Danh mục enzyme thực phẩm được phép sử dụng để cho phép sử dụng lipase từ nguồn mới.	<p>Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với lipase từ <i>Rhizopus arrhizus</i> (còn được gọi là <i>Rhizopus delemar</i> var. <i>multiplicisporus</i> và <i>Rhizopus oryzae</i>) chủng AE-TL, để sử dụng làm enzyme thực phẩm trong quá trình sản xuất chất béo và dầu biến tính.</p> <p>Kết quả đánh giá ủng hộ tính an toàn của lipase từ <i>R. arrhizus</i> AE-TL cho mục đích sử dụng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng lipase từ <i>R. arrhizus</i> AE-TL như được mô tả ở trên bằng cách sửa đổi Danh sách enzyme thực phẩm được phép sử dụng, có hiệu lực từ 06/9/2024.</p>
20.	G/SPS/N/CAN/1569	ATTP	Canada	11/9/2024	Sửa đổi Danh mục enzyme thực phẩm được phép để cho phép sử dụng alpha-amylase maltogenic từ nguồn mới.	<p>Bộ Y tế Canada đã hoàn tất đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với một đơn xin cấp phép phụ gia thực phẩm sử dụng alpha-amylase maltogenic từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i> LALL-M+ trong sản xuất bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì chưa chuẩn hóa.</p> <p>Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường ủng hộ tính an toàn của alpha-amylase maltogenic từ <i>S. cerevisiae</i> LALL-M+ cho các mục đích sử dụng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng alpha-amylase maltogenic từ <i>S. cerevisiae</i> LALL-M+ như mô tả ở trên bằng cách</p>

						sửa đổi Danh sách các enzyme thực phẩm được phép sử dụng, có hiệu lực từ 06/9/2024.				
21.	G/SPS/N/CAN/1568	ATTP, BVTV	Canada	11/9/2024	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa đối với Rimsulfuron (PMRL2024-16)	<p>Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2024-16 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với rimsulfuron đã được Cơ quan quản lý dịch hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đề xuất.</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)</td> <td>Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Quả dạng táo (nhóm cây trồng 11-09)</td> </tr> </table> <p>Các mặt hàng bao gồm trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê có thể được tìm thấy trên trang web Nhóm cây trồng hóa học dư lượng (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html) trong phần Thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca.</p>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến	0,01	Quả dạng táo (nhóm cây trồng 11-09)
MRL (ppm)	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến									
0,01	Quả dạng táo (nhóm cây trồng 11-09)									
22.	G/SPS/N/CAN/1567	ATTP, BVTV	Canada	11/9/2024	Đề xuất giới hạn tối đa đối với Clomazone (PMRL2024-17)	<p>Mục tiêu của tài liệu này (PMRL2024-17) là tham khảo mức MRL đối với hoạt chất clomazone, được đề xuất bởi cơ quan quản lý dịch hại (PMRA)-Bộ Y tế.</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)</td> <td>Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,05</td> <td>Đậu, đậu khô đã bóc vỏ (trừ đậu nành (nhóm 6-21E))</td> </tr> </table> <p>Các mặt hàng khác có thể được tìm thấy trên trang web: https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html</p>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến	0,05	Đậu, đậu khô đã bóc vỏ (trừ đậu nành (nhóm 6-21E))
MRL (ppm)	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến									
0,05	Đậu, đậu khô đã bóc vỏ (trừ đậu nành (nhóm 6-21E))									

23.	G/SPS/N/BRA/2330	ATTP, BVTV	Bra-xin	11/9/2024	Dự thảo Nghị quyết số 1278, 06/9/2024	Dự thảo đề xuất cập nhật các hoạt chất sau: A29 - Acetamiprid, A66 - Indolacetic Acid, B26 - Bifenthrin, C47 - Cyprodinil, E26 - Spiromesifen, E33 - Spiropidione, F46 - Flumioxazine, F49 - Fludioxonil, F72 - Fluopyram, M01 - Malthione, M02 - Mancozeb, O01 - Ó Vegetable Oil, O02 - Mineral Oil, Q05.1 - Quinalofop-P Ethylic, S13 - S-Metolachlorine, S20 - Saccharomyces Cerevisiae, T28 - Triclopir Butylic và T70 – Tolfenpyrade vào Danh mục thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và bảo quản gỗ được công bố theo Hướng dẫn số 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo của Bra-xin.
24.	G/SPS/N/USA/3476	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	10/9/2024	Tiếp nhận đơn kiến nghị liên quan đến tồn dư thuốc trừ sâu trên một số mặt hàng khác nhau	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã tiếp nhận một số đơn kiến nghị về thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc trừ sâu trên nhiều loại hàng hóa
25.	G/SPS/N/KOR/809	ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT	Hàn Quốc	10/9/2024	Đề xuất sửa đổi “Quy định thi hành Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu”.	Nội dung dự thảo bao gồm: - Chuẩn bị căn cứ pháp lý để giảm nhẹ xử lý hành chính đối với Nhà nhập khẩu tốt đáp ứng một số yêu cầu nhất định như không có tiền sử không tuân thủ trong ba năm qua, v.v.; - Quy định thời hạn kiểm nghiệm doanh nghiệp có cùng một loại thực phẩm nhập khẩu, v.v. được nhập khẩu lại sau khi bị phát hiện không tuân thủ.
26.	G/SPS/N/JPN/1295	ATTP	Nhật Bản	10/9/2024	Loại bỏ 32 chất phụ gia thực phẩm không còn được phân phối tại Nhật Bản (Sửa đổi danh sách hiện có Phụ gia thực phẩm quy định tại Luật vệ sinh thực phẩm).	32 phụ gia thực phẩm được phát hiện không còn được phân phối tại thị trường Nhật Bản và được cho là bị cấm sử dụng trong vòng một năm. Các chất phụ gia này sẽ được rút khỏi Danh sách các chất phụ gia thực phẩm hiện có trong Thông báo MHLW số 120 ngày 16/4/1996. Chi tiết danh sách chất phụ gia không được phép sử dụng xin xem tại:

						https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05889_01_e.pdf
27.	G/SPS/N/JPN/1294	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Nhật Bản	10/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v.	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thiết bị, hộp đựng và bao bì theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Đạo luật số 233 năm 1947)
28.	G/SPS/N/GBR/67	BVTV	Vương quốc Anh	10/9/2024	Sửa đổi Quy định đồng hóa (EU) 2019/2072	<p>Vương quốc Anh, Scotland và Wales sửa đổi Quy định đồng hóa (EU) 2019/2072, sửa đổi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi hoàn thành phân tích rủi ro sâu bệnh (PRA) bởi Tổ chức Bảo vệ Thực vật châu Âu và Địa Trung Hải (EPPO) xác nhận <i>Heterobasidion irregulare</i> là dịch hại kiểm dịch thực vật tại Vương quốc Anh; * Yêu cầu đối với một số cây trồng được nhập khẩu vào Vương quốc Anh (phải được trồng tại cùng một vườn ươm). <p>Sau khi hoàn thành các đánh giá rủi ro, danh sách các sản phẩm thực vật sau đây nhập khẩu từ Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ sẽ thay đổi. Những thay đổi này được nói lỏng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Các sản phẩm thực vật dưới đây được miễn theo quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Rau củ (ngoại trừ <i>Solanum tuberosum</i>) - Quả thuộc họ <i>Fragaria</i> L. - Quả thuộc họ <i>Malus</i> Mill. - Quả thuộc họ <i>Persea americana</i> Mill. - Quả thuộc họ <i>Pyrus</i> L. - Quả thuộc họ <i>Rubus</i> L. - Quả thuộc họ <i>Vaccinium</i> L. * Quả thuộc họ <i>Vitis</i> L. từ Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ không phải nộp thông báo trước và được giảm tỉ lệ kiểm tra rà soát.

					<p>* Cây thuộc họ <i>Asparagus officinalis</i> L., ngoại trừ thân cây từ Liên minh châu Âu, Thụy Sĩ và Liechtenstein, yêu cầu nộp thông báo trước.</p> <p>* Yêu cầu nhập khẩu mới cho dịch bệnh <i>Popillia japonica</i> Newton, dựa trên phân tích rủi ro sâu bệnh (PRA).</p> <p>* Thêm một lựa chọn bổ sung cho việc nhập khẩu thuộc họ <i>Capsicum</i> spp.</p> <p>* Cập nhật kỹ thuật để làm rõ hoặc sửa đổi các quy định pháp lý.</p>
29.	G/SPS/N/EU/794	ATTP, BVTV	Liên minh Châu Âu	10/9/2024	<p>Dự thảo sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 1925/2006 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng về một số chế phẩm thực vật có chứa dẫn xuất hydroxyanthracene.</p> <p>Dự thảo về lệnh cấm sử dụng một số chế phẩm thực vật có chứa dẫn xuất hydroxyanthracene trong thực phẩm dựa trên ý kiến khoa học của EFSA.</p> <p>Vào ngày 22/11/2017, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) đã thông qua ý kiến khoa học về việc đánh giá tính an toàn của các dẫn xuất hydroxyanthracene để sử dụng trong thực phẩm. Trong đó, cơ quan kết luận rằng việc sử dụng <i>Rheum</i>, <i>Cassia</i> và <i>Rhamnus</i> và các chế phẩm của chúng trong thực phẩm có khả năng gây ra tác động có hại đến sức khỏe, nhưng vẫn chưa chắc chắn về mặt khoa học. Do đó, theo Điều 8(2) của Quy định (EC) số 1925/2006, các chế phẩm thực vật liên quan đã được đưa vào diện giám sát trong thời hạn bốn năm, cho phép các bên quan tâm cung cấp bằng chứng về tính an toàn trong vòng 24 tháng.</p> <p>Ngày 20/3/2024, EFSA đã thông qua ý kiến khoa học về dữ liệu bổ sung về tính an toàn của các chế phẩm <i>Rheum palmatum</i> L., <i>Rheum officinale</i> Baill. và các giống lai của chúng, <i>Rhamnus purshiana</i> DC., <i>Rhamnus frangula</i> L. và <i>Cassia senna</i> L.. Theo đó, EFSA kết luận rằng chế phẩm thực vật đang được đánh giá không chứng minh được tính an toàn của các dựa trên các nghiên cứu đã có. Do đó,</p>

						theo Điều 8(5) của Quy định (EC) số 1925/2006, các chế phẩm thực vật có liên quan được đưa vào Phần A Phụ lục III của Quy định (EC) số 1925/2006, có nghĩa là sử dụng chúng trong thực phẩm sẽ bị cấm.
30.	G/SPS/N/BRA/2328	BVTV	Bra-xin	10/9/2024	Nghị định SDA/MAPA số 1.175, ngày 2/9/2024 – Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cây giống <i>Aglaonema</i> spp. từ mọi nguồn gốc.	Nghị định này thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cây nhân giống trong ống vitro của giống <i>Aglaonema</i> spp.
31.	G/SPS/N/BRA/2103 /Add.1	ATTP	Bra-xin	10/9/2024	Hướng dẫn quy phạm số 161, ngày 01/7/2022	Hướng dẫn quy phạm số 161, ngày 01/07/2022 được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2103 được thay đổi bởi Quy định Hướng dẫn quy phạm số 313, ngày 04/9/2024. Quy định này thiết lập các tiêu chuẩn vi sinh vật trong thực phẩm.
32.	G/SPS/N/JPN/1293	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật an toàn vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi Sulfaquinoxaline Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm gia súc và động vật có vú trên cạn (thịt, mỡ, gan, thận, nội tạng ăn được): 0,1 ppm - Sữa: 0,01 ppm - Gà (thịt gà, mỡ, gan, thận, nội tạng ăn được): 0,05 ppm - Nhóm gia cầm khác (thịt, mỡ, gan, thận và nội tạng ăn được): 0,01 ppm - Trứng gà và trứng các loài gia cầm khác: 0,01 ppm
33.	G/SPS/N/JPN/1292	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi Tylosin Mức dư lượng tối đa được điều chỉnh tăng ở sản phẩm

					<p>Đạo luật an toàn vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)</p>	<p>mật ong từ 0,7 ppm lên 0,9 ppm, các sản phẩm khác được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bò, heo, và các loài gia súc khác (thịt, mỡ, gan, thận và nội tạng ăn được): 0,1 ppm - Gà (thịt, mỡ, gan, thận và nội tạng ăn được): 0,1 ppm - Trứng gà: 0,3 ppm - Mật ong (bao gồm sữa ong chúa): 0,9 ppm (MRL theo quy định cũ: 0,7 ppm)
34.	G/SPS/N/JPN/1291	ATTP, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	<p>Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật an toàn vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)</p>	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi Sulfisozole</p> <p>Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loài thuộc bộ cá hồi (Salmoniformes): 0,1 ppm - Các loài thuộc bộ cá vược (Perciformes): 0,1 ppm - Các loài động vật thủy sản khác: 0,1 ppm
35.	G/SPS/N/JPN/1290	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	<p>Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các quy định về hóa chất nông nghiệp và tiêu chuẩn mức dư lượng)</p>	<p>Đề xuất thay đổi mức dư lượng tối đa (MRL) cho các chất sau hóa chất nông nghiệp: Thuốc thú y Sulfamoyldapsone</p> <p>Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau:</p> <p>Nhóm sản phẩm trong thịt lợn: 0,1-0,3 ppm</p>
36.	G/SPS/N/JPN/1289	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	<p>Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các quy</p>	<p>Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) cho các chất sau hóa chất nông nghiệp: Thuốc thú y Sulfamonomethoxin.</p> <p>Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia súc: 0,01-0,1 ppm - Thịt gà và các bộ phận thịt gà: 0,1 ppm - Cá: 0,1 ppm

					định về hóa chất nông nghiệp tiêu chuẩn mức dư lượng)	
37.	G/SPS/N/JPN/1288	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các quy định về hóa chất nông nghiệp tiêu chuẩn mức dư lượng)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các chất sau hóa chất nông nghiệp: Thuốc thú y Sulfamethoxazole Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia xúc: 0,1 ppm - Nội tạng lợn: 0,02 ppm - Sữa: 0,06 ppm
38.	G/SPS/N/JPN/1287	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các quy định về hóa chất nông nghiệp tiêu chuẩn mức dư lượng)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các chất sau hóa chất nông nghiệp: Thuốc thú y Sulfadoxin Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia xúc: 0,1 ppm - Chủng gà và các sản phẩm chủng gà: 0,01 ppm
39.	G/SPS/N/JPN/1285	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y Sulfadimethoxine. Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia xúc: 0,02-1 ppm - Sữa: 0,02 ppm - Cá: 0,1 ppm - ...
40.	G/SPS/N/JPN/1284	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y Sulfadiazine. Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia xúc: 0,1 ppm

					(Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	- Sữa: 0,07 ppm - Trứng gà: 0,02 ppm
41.	G/SPS/N/JPN/1283	ATTP, TY	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y Sulfachlorpyridazine. Mức dư lượng tối đa được giữ nguyên không có sự thay đổi so quy định cũ, cụ thể như sau: - Nhóm sản phẩm thịt lợn và gia xúc: 0,05-0,1 ppm
42.	G/SPS/N/JPN/1282	ATTP, TY, BVTV, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Fenitrothion * Điều chỉnh giảm mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau: - Ngô (bao gồm bông ngô và ngô ngọt): quy định cũ là 0,2 ppm, mức quy định mới là 0,1 ppm; - Hạt đậu hà lan: quy định cũ là 0,3 ppm, quy định mới là 0,2 ppm - Khoai tây, khoai lang: quy định cũ là 0,05 ppm, quy định mới là 0,03 ppm - Nguru bàng: : quy định cũ là 0,03 ppm, quy định mới là 0,02 ppm - Cà tím: quy định cũ là 0,5 ppm, quy định mới là 0,5 ppm; - Hạt dẻ: quy định cũ là 0,03 ppm, quy định mới là 0,02 ppm - Cải bó xôi: quy định cũ là 0,1 ppm, quy định mới là 0,05 ppm; - Cam (bao gồm cam navel): quy định cũ là 10 ppm, quy định mới là 7 ppm; - Bưởi: quy định cũ là 10 ppm, quy định mới là 3 ppm;

						<p>* Điều chỉnh tăng mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Củ cải đường: chưa có quy định, quy định mới là 0,04 ppm; - Dâu tây: quy định cũ là 5 ppm, quy định mới là 6 ppm - Nhóm gia vị: quy định cũ là 25 ppm, quy định mới là 10 ppm - Mật ong: chưa có quy định, quy định mới là 0,05 ppm <p>* Một số MRL khác được giữ nguyên theo quy định cũ</p> <p>Chi tiết dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05849_00_e.pdf</p>
43.	G/SPS/N/JPN/1281	ATTP, TY, BVTV, CLCB	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Quinofumelin</p> <p>Thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) mới trên một số sản phẩm, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm quả có múi: 3 ppm - Dưa hấu: 0,5 ppm - Nhóm Rau: 3 ppm - Hành, tỏi: 0,04 ppm - Gạo: 0,5 ppm; - Trà: 50 ppm - Gia vị: 15 ppm; - Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn: 0,01-0,1 ppm - Mật ong và các sản phẩm ong khác: 0,05 ppm. <p>.....</p> <p>Chi tiết dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05848_00_e.pdf</p>
44.	G/SPS/N/JPN/1280	ATTP, TY,	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm,	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Pyribencarb</p>

		BVTV, CLCB			phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Mức MRLs đề xuất cụ thể như sau: * Điều chỉnh giảm mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau: - Đậu nành: quy định cũ là 0,5 ppm, mức quy định mới là 0,7 ppm; - Bưởi: quy định cũ là 5 ppm, quy định mới là 4 ppm - Đào, lê: quy định cũ là 3 ppm, quy định mới là 2 ppm * Điều chỉnh tăng mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau: - Các loại thảo dược: chưa có quy định, quy định mới là 30 ppm; - Mật ong: chưa có quy định, quy định mới là 0,05 ppm * Một số MRL khác được giữ nguyên theo quy định cũ Chi tiết dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05845_00_e.pdf
45.	G/SPS/N/JPN/1279	ATTP, TY, BVTV	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Flometoqin * Điều chỉnh giảm mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau: - Chanh, chanh vàng: quy định cũ là 1 ppm, quy định mới là 0,3 ppm - Cam: quy định cũ là 1 ppm, quy định mới là 0,7 ppm * Điều chỉnh tăng mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau: - Cải xoăn: chưa có quy định, quy định mới là 5 ppm - Xà lách: chưa có quy định, quy định mới là 4 ppm - Rau khác: chưa có quy định, quy định mới là 0,02 ppm - Đào: chưa có quy định, quy định mới là 0,6 ppm - Trà: quy định cũ 5 ppm, quy định mới là 40 ppm - Mật ong: chưa có quy định, quy định mới là 0,05 ppm * Một số MRL khác được giữ nguyên theo quy định cũ

						Chi tiết dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05844_00_e.pdf
46.	G/SPS/N/JPN/1278	ATTP, TY, BVTV	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Quy định vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Cyflumetofen.</p> <p>* Điều chỉnh giảm mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà tím: quy định cũ là 2 ppm, quy định mới là 1 ppm - Cam: quy định cũ là 10 ppm, quy định mới là 3 ppm - Bưởi: quy định cũ là 10 ppm, quy định mới là 5 ppm - Cherry: quy định cũ là 10 ppm, quy định mới là 5 ppm - Gia vị khác: quy định cũ là 20 ppm, quy định mới là 15 ppm <p>* Điều chỉnh tăng mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số sản phẩm, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần tây: chưa có quy định, quy định mới là 40 ppm - Trà: quy định cũ 40 ppm, quy định mới là 150 ppm <p>* Một số MRL khác được giữ nguyên theo quy định cũ</p> <p>Chi tiết dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_05843_00_e.pdf</p>
47.	G/SPS/N/JPN/1277	ATTP, BVTV	Nhật Bản	09/9/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Quy định vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Thiết lập quy định miễn trừ mức dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu: BLAD; được quy định là "hoá chất trong thực phẩm không gây tác động xấu đến sức khỏe".
48.	G/SPS/N/BRA/1674 /Add.2	BVTV	Bra-xin	09/9/2024	Dự thảo Hướng dẫn quy phạm số 814, ngày 12/5/2020	Hướng dẫn quy phạm 87, ngày 15/3/2021 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/1674/Add.1 được thay đổi bởi Hướng dẫn quy phạm 311, ngày 27/8/2024. Hướng dẫn

						quy phạm thiết lập danh sách các loài thực vật được phép để sản xuất chất béo, dầu thực vật, axit béo.
49.	G/SPS/N/NOR/40	BVTV	Na uy	04/9/2024	Dự thảo quy định về sản xuất, đưa ra thị trường và nhập khẩu các sản phẩm phân bón hữu cơ và một số sản phẩm vô cơ (Quy định về sản phẩm phân bón)	<p>Cơ quan An toàn thực phẩm Na-uy đã đề xuất một quy định mới liên quan đến việc sản xuất và tiếp thị các sản phẩm phân bón. Quy định này đưa ra quy tắc để sản xuất phân bón an toàn và phù hợp với thay đổi của thị trường liên quan đến việc tăng cường quan tâm đến việc sử dụng chất thải và phụ phẩm trong quá trình sản xuất phân bón. Cụ thể đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quy định về vệ sinh và khả năng ổn định được làm rõ, và vi khuẩn coliform chịu nhiệt được chuyển thành <i>E.Coli</i>; - Bổ sung thêm giới hạn đối với Asen; - Nguyên liệu thô và danh mục nguyên liệu thô có thể được sử dụng đã được cập nhật (phụ lục 1) và hệ thống mới về việc sử dụng các nguyên liệu thô khác không có trong danh sách cũng được đưa vào sử dụng; - Đăng ký sản phẩm được thay bằng đăng ký doanh nghiệp; - Các quy định về nhãn mác; - Cả chất kích thích sinh học hữu cơ và vô cơ đều có trong quy định mới và chúng được phân biệt rõ ràng với thuốc trừ sâu; - Quy định mới liên quan đến các sản phẩm được buôn bán theo thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong EU.
50.	G/SPS/N/HND/11 /Add.3	BVTV	Honduras	04/9/2024	Quy định đối với nguyên liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế	<p>Honduras thông báo thay đổi nội dung trong thông báo ngày 03/2/2006 trong thông báo số G/SPS/N/HND/11 về Quy định về nguyên liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế.</p> <p>Quy định bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với vật liệu đóng gói bằng gỗ được sử dụng trong thương mại quốc tế;

						<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các yêu cầu sử dụng nhãn hiệu được công nhận trên vật liệu đóng gói bằng gỗ được sử dụng để xuất và nhập khẩu hàng hóa; - Các hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra tại các điểm nhập cảnh để giảm thiểu nguy cơ xâm nhập của dịch hại.
51.	G/SPS/N/EU/793	ATTP	Liên minh Châu Âu	04/9/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EC) số 1334/2008 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc loại bỏ chất tạo hương vị 4-Methyl-2-phenylpent-2-enal (FL số 05.100) khỏi danh sách của Liên minh châu Âu	EU loại bỏ 4-Methyl-2-phenylpent-2-enal (FL số 05.100) khỏi danh sách chất tạo hương vị cho phép sử dụng do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). EFSA đã chỉ ra mối lo ngại về tính gây đột biến gen và các FBO (nhà kinh doanh thực phẩm) có liên quan đã không nộp dữ liệu bổ sung theo yêu cầu của EFSA.
52.	G/SPS/N/CAN/1566	BVTV	Canada	02/9/2024	Thời kỳ côn trùng <i>Culicoides</i> không hoạt động tại Canada	Cơ quan Kiểm tra thực phẩm Canada (CFIA) đã hoàn thành cập nhật các bản đồ nhiệt độ trung bình vào cuối tháng 5/2024. Theo đó thời kỳ côn trùng <i>Culicoides</i> không hoạt động tại Canada được xác định khoảng từ 1/11 đến 30/4 năm sau. Chi tiết tại báo cáo tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/CAN/24_05739_00_e.pdf
53.	G/SPS/N/BRA/2327	BVTV, CLCB	Bra-xin	02/9/2024	Dự thảo Nghị quyết 1277 ngày 29/8/2024	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa F81 - Potassium Phosphonate vào danh mục thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn số 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo của Bra-xin.
54.	G/SPS/N/KOR/808	ATTP, TY,	Hàn Quốc	30/8/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm	Các sửa đổi bao gồm: 1) Sửa đổi công thức giới hạn mycotoxin;

		BVTV, , CLCB				<p>2) Sửa đổi danh sách các thành phần thực phẩm trong [Phụ lục 1], [Phụ lục 2] và [Phụ lục 3];</p> <p>3) Sửa đổi và thiết lập giới hạn tối đa dư lượng thuốc trừ sâu cho thực phẩm [104 loại thuốc trừ sâu, bao gồm Inpyrfluxam];</p> <p>4) Sửa đổi và thiết lập giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm;</p> <p>5) Sửa đổi và thiết lập các phương pháp kiểm tra chung;</p> <p>Các sửa đổi khác như làm rõ nội dung văn bản.</p>
55.	G/SPS/N/COL/368	BVTV	Colombia	30/8/2024	<p>Dự thảo Nghị quyết thiết lập chương trình kiểm tra xuất khẩu đối với xuất khẩu đường biển của các loại hoa, lá và trái cây tươi từ Colombia</p>	<p>Thông báo dự thảo Nghị quyết thiết lập chương trình điểm kiểm dịch xuất khẩu đối với xuất khẩu đường biển của các loại hoa, lá và trái cây tươi từ lãnh thổ Colombia. Các đơn vị muốn trở thành điểm kiểm dịch được cấp phép sẽ phải nộp hồ sơ về Cơ quan Kiểm dịch Thực vật Quốc gia để xin cấp phép. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên đơn vị hoặc công ty - Địa chỉ, điện thoại, email. - Giấy Đăng ký kinh doanh và người đại diện - Các báo cáo lịch sử xuất khẩu hàng hải trong các năm trước <p>Các điểm kiểm dịch này phải đáp ứng yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu kiểm tra ngăn chặn được sự xâm nhập của vi sinh vật, sàn và khu kiểm tra có thể cọ rửa, vệ sinh được. - Khu vực bảo quản biệt lập <p>Nghị quyết bao gồm Hướng dẫn vận hành chương trình gồm 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn chuẩn bị - Giai đoạn thực hiện - Giai đoạn theo dõi và giám sát

56.	G/SPS/N/USA/3474	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	30/8/2024	Dung sai thuốc trừ sâu Ethaboxam;. Quy tắc cuối cùng	<p>Quy định thiết lập mức dung sai đối với dư lượng ethaboxam trong hoặc trên cuống lá của nhóm thực vật 22B, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cải, rau xanh, phân nhóm 4-16B: 40 ppm - Rau diếp ngồng: 9 ppm - Cà phê, đậu xanh: 1,5 ppm - Thì là, florence, lá và thân tươi: 9 ppm - Súp lơ: 6 ppm - Nhóm phụ rau có cuống lá 22B: 9 ppm - Rau xanh phân nhóm 4-16A: 30 ppm - Dứa: 0,3 ppm - Nhóm phụ hạt cải dầu 20A: 0,03 ppm - Vùng: 3 ppm - Nhóm phụ rau có thân và thân 22A, (ngoại trừ cây có gai - Lê, quả hạch và lê gai, ...): : 0,01 ppm - Phân nhóm hoa hướng dương 20B: 0,7 ppm - Nhiệt đới và cận nhiệt đới, vỏ không ăn được, xương rồng, phân nhóm 24D: 0,3 ppm - Nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả cọ, vỏ ăn được, phân nhóm 23C: 8 ppm - Rau nhóm 5-16: 6 ppm - Cỏ, thức ăn chăn nuôi, thức ăn cho gia súc và cỏ khô, nhóm 17: 15 ppm
57.	G/SPS/N/USA/3473	ATTP	Hoa Kỳ	30/8/2024	Đơn kiến nghị của GNT USA, LLC về phụ gia màu	<p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) thông báo ngày 18/7/2024 đã nhận được đơn kiến nghị do GNT USA, LLC đệ trình, đề xuất sửa đổi các quy định về phụ gia màu để đảm bảo an toàn sử dụng chiết xuất tảo xoắn trong thực phẩm nói chung với số lượng phù hợp.</p>

58.	G/SPS/N/UKR/229	TY, BVTV, TS, CLCB	Ukraine	30/8/2024	Dự thảo về việc sửa đổi Nghị quyết của Nội các Ukraine số 537 ngày 7/5/2022	Dự thảo sửa đổi Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine số 537 "Một số vấn đề kiểm soát của nhà nước nhằm kiểm tra việc tuân thủ luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm phụ từ động vật, sức khỏe và phúc lợi của động vật, kiểm soát thú y và vệ sinh của nhà nước về nhập khẩu hàng hóa vào Ukraine trong thời gian thiết chặt kỷ luật". Trong đó xác định những đặc thù của kiểm soát nhà nước đối với việc tuân thủ luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm phụ từ động vật trong thời gian thiết quân luật.
59.	G/SPS/N/UKR/228	TY, CN	Ukraine	30/8/2024	Dự thảo sắc lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp "Về ghi nhãn và danh sách các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có thể được thay thế cho một số nguyên liệu thức ăn nhất định trong".	Dự thảo sắc lệnh quy định việc phê duyệt Danh sách các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có thể được thay thế một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhất định và ghi nhãn. Dự thảo Lệnh này hài hòa với Chỉ thị 82/475/EEC của Ủy ban ngày 23/6/1982 quy định các loại thành phần có thể được sử dụng để mục đích ghi nhãn thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi.
60.	G/SPS/N/KOR/807	ATTP, TY, BVTV, CT	Hàn Quốc	29/8/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm	Các sửa đổi bao gồm: 1. Rà soát, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sữa công thức và sữa bột; 2. Rà soát lại mức giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật đối với sản phẩm nông nghiệp.
61.	G/SPS/N/SGP/87	TY	Singapore	28/8/2024	Điều kiện thú y nhập khẩu gia cầm và sản gia cầm, chim nuôi, gà con một ngày tuổi, trứng ấp	Singapore đã hoàn tất việc xem xét các điều kiện nhập khẩu đối với gia cầm sống (bao gồm gà con một ngày tuổi, chim nuôi), gia cầm và các sản phẩm gia cầm và trứng ấp, cho phép sử dụng vắc-xin phòng cúm gia cầm có độc lực cao (HPAI) nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Các điều kiện này phù hợp với các khuyến nghị của Tổ chức thú y Thế giới (WOAH). Các sửa đổi như sau: a. Điều kiện nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm

					<ul style="list-style-type: none"> • Cho phép sử dụng vắc-xin HPAI (trừ vắc-xin sống/sống giảm độc lực) tuân thủ các tiêu chuẩn của WOAAH và được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu chấp thuận. b. Điều kiện nhập khẩu gia cầm sống <ul style="list-style-type: none"> • Cho phép sử dụng vắc-xin HPAI (trừ vắc-xin sống/sống giảm độc lực) tuân thủ các tiêu chuẩn của WOAAH và được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu chấp thuận. Cần cung cấp thông tin chi tiết về vắc-xin được sử dụng cho từng lô hàng xuất khẩu (ví dụ: loại vắc-xin và ngày tiêm vắc-xin). • Nếu sử dụng vắc-xin HPAI, phải đảm bảo đàn gia cầm đã được xét nghiệm âm tính với HPAI trong vòng 14 ngày kể từ ngày xuất khẩu, bằng các phương pháp của WOAAH công bố để phát hiện vi-rút HPAI (ví dụ: cách ly vi-rút hoặc xét nghiệm RT-PCR). c. Điều kiện nhập khẩu gà con một ngày tuổi và trứng ấp <ul style="list-style-type: none"> • Cho phép sử dụng vắc-xin HPAI (trừ vắc-xin sống/sống giảm độc lực) tuân thủ các tiêu chuẩn của WOAAH và được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu chấp thuận cho đàn gia cầm bố mẹ và/hoặc gà con một ngày tuổi. Cần cung cấp thông tin chi tiết về vắc-xin được sử dụng cho từng lô hàng xuất khẩu (ví dụ: loại vắc-xin và ngày tiêm vắc-xin). <p>Nếu quốc gia xuất khẩu không thực hiện tiêm vắc-xin HPAI để kiểm soát bệnh, các điều kiện nhập khẩu hiện tại đối với các hàng hóa này sẽ tiếp tục được áp dụng mà không có thay đổi.</p>
62.	G/SPS/N/TUR/148	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	28/8/2024	<p>Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập của vi-rút khảm nâu</p> <p>Để ngăn chặn sự xâm nhập của vi-rút khảm nâu trên cà chua (Tobamovirus, ToBRFV) vào Thổ Nhĩ Kỳ, một tuyên bố bổ sung đã được đưa vào giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống và cây</p>

					trên cà chua (ToBRFV) vào Thổ Nhĩ Kỳ	giống cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i> L.) và ớt (<i>Capsicum</i> spp.) Từ ngày 01/9/2024, các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với hạt giống, cây giống cà chua và ớt phục vụ mục đích trồng trọt từ tất cả các quốc gia nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ được quy định như sau: Điều 1. Nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i> L.) và các giống lai của chúng, và cây ớt (<i>Capsicum</i> spp.) để trồng trọt. Điều 2. Nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i> L.) và các giống lai của chúng, và hạt giống ớt (<i>Capsicum</i> spp.) Điều 3. Việc phân tích các loại cây và hạt giống được chỉ định nêu trong Điều 1 và Điều 2 phải được thực hiện bằng phương pháp RT-PCR thời gian thực như mô tả trong Phụ lục của Chỉ thị EU 2023/1032. Trong phần "Tuyên bố bổ sung" của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, phải nêu rõ rằng "thực vật đã được xác định không có ToBRFV bằng phương pháp phân tích RT-PCR".												
63.	G/SPS/N/JPN/1274	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	28/8/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm	Xóa bỏ các tiêu chuẩn sử dụng đối với methyl cellulose và sửa đổi các tiêu chuẩn lưu trữ đối với dimethyl dicarbonate. -Dimethyl dicarbonate: Bảo quản trong thùng kín ở nhiệt độ 30°C hoặc thấp hơn												
64.	G/SPS/N/JPN/1273	ATTP, BVTV	Nhật Bản	28/8/2024	Sửa đổi đối với Lệnh thực thi Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Các sửa đổi về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp: 2,4-D. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm (thức ăn chăn nuôi)</th> <th>MRL đề xuất (mg/kg)</th> <th>MRL hiện tại (mg/kg)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Yến mạch</td> <td>2</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Lúa mạch</td> <td>2</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Lúa mì</td> <td>2</td> <td>0,5</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm (thức ăn chăn nuôi)	MRL đề xuất (mg/kg)	MRL hiện tại (mg/kg)	Yến mạch	2	0,5	Lúa mạch	2	0,5	Lúa mì	2	0,5
Sản phẩm (thức ăn chăn nuôi)	MRL đề xuất (mg/kg)	MRL hiện tại (mg/kg)																
Yến mạch	2	0,5																
Lúa mạch	2	0,5																
Lúa mì	2	0,5																

						<table border="1"> <tr> <td>Ngô</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Milo</td> <td>2</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Lúa mạch đen</td> <td>2</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Cỏ khô</td> <td>400</td> <td>260</td> </tr> </table>	Ngô	0,05	0,05	Milo	2	0,5	Lúa mạch đen	2	0,5	Cỏ khô	400	260
Ngô	0,05	0,05																
Milo	2	0,5																
Lúa mạch đen	2	0,5																
Cỏ khô	400	260																
65.	G/SPS/N/JPN/1272	BVTV	Nhật Bản	28/8/2024	<p>Các biện pháp khẩn cấp để giảm thiểu nguy cơ xâm nhập <i>Radopholus similis</i>.</p>	<p>Để ngăn chặn sự du nhập của <i>Radopholus similis</i> vào Nhật Bản, MAFF sẽ yêu cầu các Cơ quan Bảo vệ Thực vật (NPPO) của các quốc gia xuất khẩu chứng nhận rằng: Đối với các bộ phận rễ của cây <i>Chamaedorea</i> có khả năng để trồng trọt:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cây được trồng tại nơi sản xuất hoặc địa điểm sản xuất (bao gồm cơ sở trồng trọt) nơi mà <i>Radopholus similis</i> chưa từng được ghi nhận hoặc đã từng xuất hiện trước đây nhưng đã bị tiêu diệt; Cây được kiểm tra tại nơi sản xuất hoặc địa điểm sản xuất trong mùa sinh trưởng, và môi trường sinh trưởng cũng như phần rễ của cây được kiểm tra bằng xét nghiệm tuyến trùng thích hợp và không phát hiện <i>R. similis</i>. <p>Do đó, NPPO của các quốc gia xuất khẩu sẽ được yêu cầu bổ sung tuyên bố "Hoàn thành mục 12 của Bảng 2-2 của Phụ lục Sắc lệnh Thực thi Đạo luật Bảo vệ Thực vật (Sắc lệnh MAF số 73/1950)".</p>												
66.	G/SPS/N/AUS/598	TY, BVTV, CLCB, CT	Úc	28/8/2024	<p>Tuyên bố thực hiện thu phí an toàn sinh học: 2024-25</p>	<p>Tuyên bố của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc thực hiện thu phí cho các hoạt động quản lý an ninh sinh học và thực phẩm nhập khẩu.</p> <p>Là một phần trong cam kết bầu cử của Chính phủ Úc nhằm tài trợ bền vững cho hệ thống an ninh sinh học của Khối thịnh vượng chung được công bố trong Ngân sách Liên bang 2023-24, chính phủ Úc đã nhất trí rằng các thỏa thuận thu phí an ninh sinh học hiện tại của ngành sẽ được mở rộng cho hàng hóa giá trị thấp được nhập khẩu vào Úc.</p>												

						Doanh thu thu được từ khoản phí mới này sẽ được chuyển trực tiếp cho quỹ an ninh sinh học.
67.	G/SPS/N/ALB/211	TY	Albania	28/8/2024	Dự thảo Luật về phụ phẩm động vật	Mục đích của Luật này là xác định các quy tắc về sức khỏe cộng đồng và sức khỏe động vật đối với phụ phẩm và sản phẩm từ động vật. Dự thảo Luật này được điều chỉnh theo Quy định (EC) số 1069/2009 của Liên minh Châu Âu ngày 21/10/2009, quy định các quy tắc về sức khỏe liên quan đến các phụ phẩm và sản phẩm phát sinh từ động vật không dành cho con người tiêu thụ
68.	G/SPS/N/TPKM/632	ATTP	Đài Loan	27/8/2024	Dự thảo về hạn chế sử dụng và yêu cầu nhãn mác đối với γ Aminobutyric Acid (GABA) được sản xuất bằng lên men vi sinh vật như một thành phần trong thực phẩm	Dự thảo quy định: - Axit γ -aminobutyric (GABA) được sản xuất bằng phương pháp lên men vi sinh sử dụng <i>Lactobacillus hilgardii</i> hoặc <i>Lactobacillus brevis</i> với môi trường nuôi cấy là các thành phần thực phẩm hoặc phụ gia thực phẩm được phép sử dụng, sau đó được xử lý thông qua quá trình tinh chế và các bước khác. - Hàm lượng GABA không được ít hơn 20% và lượng hấp thụ hàng ngày không được vượt quá 100 mg. - Nhãn của các sản phẩm thực phẩm có chứa GABA phải ghi cảnh báo sau: Sản phẩm này phải tránh dùng cùng với rượu hoặc dùng đồng thời thuốc hạ huyết áp, thuốc an thần và thuốc chống động kinh. Phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ phải dùng sản phẩm này dưới sự giám sát y tế. - Quy định này hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Sản phẩm sản xuất trong nước hoặc sản phẩm nhập khẩu trước ngày quy định này có hiệu lực vẫn được phép lưu hành trên thị trường cho đến khi hết hạn sử dụng.

69.	G/SPS/N/AUS/597	TY, CLCB	Úc	26/8/2024	Dự thảo đánh giá chính sách đối với nhập khẩu cá cảnh biển sống làm cá cảnh	Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp của Chính phủ Úc lấy ý kiến dự thảo báo cáo về Đánh giá chính sách nhập khẩu cá cảnh biển sống. Dự thảo báo cáo đánh giá rủi ro của các tác nhân gây bệnh liên quan đến các loài trong Danh sách cá cảnh biển sống được phép nhập khẩu có trong Hệ thống Điều kiện Nhập khẩu An toàn sinh học (BICON). Dự thảo báo cáo đề xuất rằng cá cảnh biển sống, bao gồm cá có nguồn gốc từ quần thể nuôi có thể được phép nhập khẩu vào Úc với điều kiện chúng tuân thủ một loạt các biện pháp an toàn sinh học. Bao gồm kiểm dịch trước và sau khi đến và lấy nguồn từ quần thể không có bệnh, các biện pháp này được hỗ trợ bởi các đánh giá rủi ro, đáp ứng các quyền và nghĩa vụ quốc tế của Úc và cần thiết để bảo vệ sức khỏe cá của Úc.
70.	G/SPS/N/USA/3471	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	23/8/2024	Dung sai thuốc trừ sâu; xem xét đăng ký cho một số loại thuốc trừ sâu; Terbacil và cộng sự. Quy định được đề xuất	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đề xuất một số dung sai các hoạt chất trong thuốc trừ sâu: terbacil, bromacil, metolachlor và S-metolachlor, etridiazole, triclopyr, deltamethrin, cyfluthrin và isomer beta-cyfluthrin, cyproconazole, fluroxypyr, pyraflufen-ethyl, etoxazole, acequinocyl, pinoxaden, flonicamid và d-phenothrin. Sửa đổi các biểu thức dung sai; Sửa đổi các định nghĩa về hàng hóa; Cập nhật các nhóm cây trồng; Xóa bỏ các dung sai đã hết hạn; Thu hồi các dung sai không còn cần thiết; và hài hòa với Mức dư lượng tối đa của Codex (MRL).
71.	G/SPS/N/USA/3472	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	23/8/2024	Thiết lập dung sai cho thuốc diệt nấm Kasugamycin	Quy định thiết lập mức dư lượng cho kasugamycin trong trà đã sấy khô là 3 ppm.
72.	G/SPS/N/PER/1056	BVTV	Peru	23/8/2024	Dự thảo quy định các yêu cầu về vệ sinh thực vật cho việc nhập khẩu máy móc và thiết bị	Dự thảo Nghị quyết nêu rõ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với máy móc và thiết bị nông nghiệp đã qua sử

					nông nghiệp đã qua sử dụng, khi nhập cảnh hoặc quá cảnh qua Peru.	dụng nhập cảnh hoặc quá cảnh qua Peru, bất kể số lượng, mục đích sử dụng, quốc gia xuất xứ.
73.	G/SPS/N/BRA/2239 /Rev.1	BVTV	Bra-xin	23/8/2024	Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.162, ngày 14/8/2024 - Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống <i>Pelargonium</i> spp.	Các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống (Loại 4) của cây <i>Pelargonium</i> spp. Đối với giâm cành <i>Pelargonium hortorum</i> từ Ý và <i>Pelargonium peltatum</i> và <i>Pelargonium zonale</i> từ Đức, các Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) tại các quốc gia xuất xứ có thời hạn 180 ngày để điều chỉnh quy trình của mình nhằm áp dụng các yêu cầu nêu trong Sắc lệnh này. Đối với hạt giống <i>Pelargonium hortorum</i> từ Hoa Kỳ, Pháp và Hà Lan và <i>Pelargonium zonale</i> từ Vương quốc Anh, các Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) tại các quốc gia xuất xứ có thời hạn 180 ngày để điều chỉnh các thủ tục của mình nhằm áp dụng các yêu cầu nêu trong Sắc lệnh này.
74.	G/SPS/N/EU/792	CN, TY	Liên minh Châu Âu	22/8/2024	Quy định (EU) 2024/2040 ngày 29/7/2024 thiết lập các biện pháp chuyển tiếp để gia hạn giấy phép chế phẩm 25-hydroxycholecalciferol được sản xuất bởi <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CBS 146008	Phụ gia thức ăn chăn nuôi đã được gia hạn trong thời hạn 10 năm đối với gà đẻ vỏ béo, gà tây đẻ vỏ béo, các loại gia cầm khác và lợn theo Quy định (EU) 2024/1070. Đạo luật sửa đổi bao gồm đặc điểm của hoạt chất có khác so với các thông số kỹ thuật được cấp phép trước đó. Do đó, Quy định này bao gồm các biện pháp chuyển tiếp để ngăn ngừa sự xáo trộn trên thị trường và những bất lợi khác.
75.	G/SPS/N/EU/791	TY	Liên minh Châu Âu	22/8/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2022/2292 về các yêu cầu để đưa một số sản phẩm từ sữa, một số phụ gia thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, vỏ collagen, thịt băm, chế phẩm	Quy định đặt ra các điều kiện nhập khẩu đối với một số loại thực phẩm nhất định. Quy định này làm rõ các điều kiện đối với nguyên liệu thô được sử dụng để nhập khẩu vào Liên minh châu Âu đối với một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Và quy định này tạo điều kiện

					từ thịt, thịt tách cơ học và các sản phẩm tổng hợp có chứa viên nang gelatin vào Liên minh châu Âu	thuận lợi cho việc nhập khẩu một số viên nang gelatin có trong các sản phẩm tổng hợp vào Liên minh châu Âu.
76.	G/SPS/N/ARM/58	TY	Armenia	22/8/2024	Dự thảo Sửa đổi Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu số 140 ngày 23/9/2022	Dự thảo quy định việc thay đổi ngày có hiệu lực để điều chỉnh việc lưu thông các công cụ chẩn đoán thú y trên lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu, được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu số 140 ngày 23/9/2022, cũng như điều chỉnh kỹ thuật và làm rõ các quy định này.
77.	G/SPS/N/THA/755	CT, BVTV	Thái Lan	21/8/2024	Bản dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng, số ... BE(....) Được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 về "mút, thạch và mút cam".	Thông báo của Bộ Y tế (Số 213) B.E 2543 (2000) được ban hành theo Luật An toàn thực phẩm B.E. 2522 liên quan đến mút, thạch và mút cam đóng kín cần được sửa đổi về các biện pháp và tiêu chuẩn chất lượng như sau: 1. Bãi bỏ thông báo của Bộ Y tế Công cộng, Số 213 B.E 2543 (2000) được ban hành theo Luật An toàn thực phẩm B.E. 2522 về mút, thạch và mút cam trong các bao bì kín, ngày 19 tháng 9 năm B.E. 2543 (2000) và thay thế bằng Thông báo (Dự thảo này) của MOPH. 2. Sửa các định nghĩa và mở rộng phạm vi sản phẩm để bao gồm mút, thạch, mút cam, mút từ nước trái cây khác và mút thạch. 3. Quy định các thành phần cơ bản và các thành phần khác được phép. 4. Cải thiện tiêu chuẩn về hàm lượng chất rắn hòa tan. 5. Cải thiện tiêu chuẩn về hàm lượng trái cây. 6. Cải thiện tiêu chí an toàn vi sinh vật như nấm men, nấm mốc và vi sinh vật gây bệnh. 7. Quy định về nhãn mác cho mút, thạch và mút cam.

78.	G/SPS/N/EU/790	ATTP, BVTV	Liên minh Châu Âu	21/8/2024	<p>Dự thảo Quy định về việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất tritosulfuron, theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng, và sửa đổi Quy định (EU) số 540/2011</p>	<p>Dự thảo quy định về việc phê duyệt hoạt chất tritosulfuron không được gia hạn theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu sẽ thu hồi giấy phép cho các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất tritosulfuron.</p> <p>Theo Quy định (EC) số 1107/2009 (liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường) để một hoạt chất được phê duyệt, chất đó phải được chứng minh không gây hại cho sức khỏe con người, sức khỏe động vật hoặc môi trường. Các tiêu chí được liệt kê trong Điều 4 của Quy định (và cũng được nêu chi tiết trong Phụ lục II của Quy định) phải đáp ứng để được phê duyệt.</p> <p>Trong quá trình đánh giá đối với tritosulfuron, các điều kiện trên không được đáp ứng. Hơn nữa, kết quả đánh giá rủi ro như được ghi trong Kết luận của EFSA xác định tình trạng ô nhiễm nước ngầm do chất chuyển hóa ở mức có khả năng vượt quá giới hạn quy định là 0,1 ug/L.</p> <p>Do đó các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu thu hồi các sản phẩm bảo vệ thực vật hiện có chứa tritosulfuron chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Thời hạn gia hạn theo Điều 46 của Quy định (EC) số 1107/2009 sẽ hết hạn chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực (cho phép sử dụng một mùa cuối cùng).</p>
-----	----------------	---------------	----------------------	-----------	--	--

2. Danh sách quy định có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
1	G/SPS/N/MEX/439 /Add.1	BVTV	Mexico	20/9/2024	Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt cà phê (<i>Coffea arabica</i>) dùng trong công nghiệp	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/MEX/439 ngày 21/03/2024 về việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt cà phê <i>Coffea arabica</i> từ một số quốc gia trong đó có Việt Nam vào Mexico để sử dụng trong công nghiệp đã được thông qua
2	G/SPS/N/MEX/441 /Add.1	BVTV	Mexico	20/9/2024	Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt cà phê (<i>Coffea canephora</i>) dùng trong công nghiệp	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/MEX/441 ngày 21/03/2024 về việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt cà phê (<i>Coffea canephora</i>) từ một số quốc gia trong đó có Việt Nam vào Mexico để sử dụng trong công nghiệp đã được thông qua
3	G/SPS/N/TPKM/629 /Add.1	TY, BVTV, CLCB	Đài Loan	19/9/2024	Phân loại 07 mã CCC làm thực phẩm phải đăng ký kiểm tra với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi	Dự thảo trong thông báo số G/SPS/N/TPKM/629 ngày 19/6/2024 về Các nhà nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi các hàng hóa được phân loại theo 7 mã CCC dưới đây nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm. Đã được thông qua
4	G/SPS/N/AUS/570 /Add.2	BVTV	Úc	19/9/2024	Dự thảo báo cáo về yêu cầu nhập khẩu an toàn sinh học đối với chanh dây từ Việt Nam	Úc đã công bố các điều kiện nhập khẩu chanh dây tươi từ Việt Nam để tiêu thụ trên thị trường. Cụ thể, Úc và Việt Nam đã thống nhất sử dụng chiếu xạ như một biện pháp kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu để quản lý ruồi giấm, rệp sáp, rệp vảy và nhện đỏ để đạt được mức độ bảo vệ phù hợp.
5	G/SPS/N/TPKM/624 /Add.1	ATTP, TY, BVTV,	Đài Loan	11/9/2024	Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các hoạt chất được phép sử dụng để làm sạch thực phẩm	Đài Loan (Trung Quốc) Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các hoạt chất được phép sử dụng để làm sạch thực phẩm được thông báo trong G/SPS/N/TPKM/624 ngày

		CT, CLCB				15/3/2024 hiện đã được hoàn thiện. Tiêu chuẩn này có hiệu lực vào ngày 11/9/2024.
6	G/SPS/N/CAN/1554 /Add.1	ATTP, CT	Canada	11/9/2024	Loại bỏ dầu thực vật brom hóa trong Danh mục chất phụ gia được phép sử dụng	Mục đích của thông báo này là để thông báo cho người tiêu dùng và các bên liên quan rằng Cơ quan thực phẩm và dinh dưỡng Canada – Bộ Y tế đã loại bỏ dầu thực vật brom hóa ra khỏi các Danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng. Ngày có hiệu lực: 30/8/2024
7	G/SPS/N/BRA/2310 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	10/9/2024	Dự thảo Nghị quyết 1267, ngày 14/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1267, ngày 14/6/2024 được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2310 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 314, ngày 04/9/2024. Quy định này bổ sung hoạt chất C87-Hợp chất gốc silicon, với tiêu mục C87.1 - Calcinated kaolin vào Danh mục Chuyên khảo về hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh Gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Chính thức của Bra-xin
8	G/SPS/N/BRA/2309 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	10/9/2024	Dự thảo Nghị quyết 1267, ngày 14/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1265, ngày 14/6/2024 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2309 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 315, ngày 04/9/2024. Quy định này cập nhật các hoạt chất A04 - Axit Giberellic, A26 - Azoxystrobine, A29 - Acetamiprid, A38 - Acibenzolar-S-Methylic, B26 - Bifenthrin, B46 - Benzovindiflupyr, C29 - Chlorimurorin Ethylic, C36 - Cyproconazole, C64 - Chlothianidine, C66 - Cyazofamid, C70 - Chlorantraniliprole, C74 - Cyantraniliprole, D36 - Difenocone, E34 - Spidoxamate, F49 - Fludioxonil, F66 - Flubendiamide, F75 - Flucarbazone Natri, M31 - Metalaxil-M, T12 - Tiabendazole và T48 - Thiametoxam vào Danh mục chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ,

						được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Chính thức của Bra-xin				
9	G/SPS/N/CAN/1556 /Add.1	ATTP, BVTV	Canada	09/9/2024	Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Metsulfuron-methyl	<p>Đề xuất đối với metsulfuron-methyl được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1556 (ngày 6/6/2024) đã được thông qua vào ngày 28/8/2024. MRL đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa theo bảng sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)</td> <td>Hàng hóa nông nghiệp chưa xử lý (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,1</td> <td>Yến mạch</td> </tr> </table>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp chưa xử lý (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến	0,1	Yến mạch
MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp chưa xử lý (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến									
0,1	Yến mạch									
10	G/SPS/N/IND/75/ Add.1	TY, CT	Ấn Độ	30/8/2024	Dự thảo thông báo về giấy chứng nhận thú y để điều chỉnh việc nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa vào Ấn Độ	<p>Dự thảo thông báo về giấy chứng nhận sức khỏe thú y để điều chỉnh việc nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa vào Ấn Độ đã được thông trong G/SPS/N/IND/75.</p> <p>Để tạo điều kiện cho thương mại, "Giấy chứng nhận sức khỏe thú y cho việc nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa vào Ấn Độ" bao gồm các yêu cầu vệ sinh của DAHD và yêu cầu an toàn thực phẩm của FSSAI, đã được công bố vào ngày 31/3/2023, có hiệu lực ngay lập tức. Tuy nhiên, để quy định hoàn toàn có hiệu lực sẽ có thời gian chuyển tiếp 60 ngày.</p> <p>Thời gian chuyển tiếp đã được gia hạn vào các thời điểm: 31/12/2023, 30/6/2024, 31/7/2024 và 31/10/2024 theo Công văn ngày 17/7/2023, 3/1/2024, 10/7/2024 và 7/8/2024, tương ứng.</p>				
11	G/SPS/N/BRA/2304 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	27/8/2024	Dự thảo Nghị quyết 1256, ngày 9/5/2024	Dự thảo nghị quyết cập nhật các thành phần hoạt chất A41 - Amicarbazone, A58 - Azadirachta Indica, B42 - Bentiavalicarb Isopropylic, B46 - Benzovindiflupir, C18 - Chlorothalonil, C36 - Cyproconazole, C63 - Lambda-				

						Cyaloitrine, C73 - Ciflumetofem, D21 - Diquate, D36 - Difenoconazole, E25 - Spiroclifen, E34 - Spidoxamate, F46 - Flumioxazine, F47 - Fluazinam, F69 - Flupyradifurone, I21 - Indoxacarb, I27 - Indaziflam, I34 - Isopyrazam, M19 - Metribuzim và P23.1 - Propamocarb Hycloridate vào Danh mục các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia đình và chất bảo quản gỗ
12	G/SPS/N/BRA/2301 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	27/8/2024	Dự thảo Nghị quyết 1251, ngày 02/5/2024	Dự thảo Nghị quyết 1251, ngày 02/5/2024 thông báo trong G/SPS/N/BRA/2301 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 310, ngày 07/8/2024 về việc bổ sung hoạt chất E34 - Spidoxamate vào Danh mục thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ
13	G/SPS/N/EU/760 /Add.1	ATTP	Liên minh Châu Âu	22/8/2024	Xóa các mục SF-001 đến SF-010 khỏi danh sách các sản phẩm hun khói được Liên minh châu Âu cho phép	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/760 (ngày 03/5/2024) đã được thông qua vào ngày 31/7/2024 sửa đổi Quy định (EU) số 1321/2013 về việc xóa các mục SF-001 đến SF-010 khỏi danh sách phụ gia thực phẩm tạo hương khói. Quy định này có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi tính từ sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.
14	G/SPS/N/EU/734 /Add.1	ATTP, BVTV	Liên minh Châu Âu	22/8/2024	Mức niken tối đa trong một số loại thực phẩm	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/734 (ngày 05/3/2024) đã được thông qua ngày 30/7/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 về mức niken tối đa trong một số loại thực phẩm. Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y; TS: Cục thủy sản. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.

